

DANH SÁCH DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT DỰ KIẾN THU HỒI
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI PHƯỢNG HOÀNG, PHƯỜNG TIỀN PHONG, TỈNH BẮC NINH
ĐỊA ĐIỂM: TDP TRUNG, PHƯỜNG TIỀN PHONG, TỈNH BẮC NINH

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /3/2026 của Chủ tịch UBND phường Tiên Phong)

STT	Đại diện tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	Người sử dụng đất có liên quan	Tờ BĐ số	Thửa đất số	Loại đất	Xứ đồng	Diện tích bản đồ (m ²)	Diện tích dự kiến thu hồi (m ²)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Văn Dĩnh	Dương Thị Băng (đã chết)	43	247	LUC	Bờ Bến	451.3	451.3	
2	Nguyễn Thị Nhỡ		43	271	LUC	Bờ Bến	260.3	260.3	
3	Nguyễn Hữu Dũng	Đào Thị Bẩy	43	321	LUC	Bờ Bến	178.5	34.1	
3	Nguyễn Hữu Dũng	Đào Thị Bẩy	43	322	LUC	Bờ Bến	345.0	309.6	
3	Nguyễn Hữu Dũng	Đào Thị Bẩy	43	217	BHK	Bờ Bến	341.5	341.5	
4	Nguyễn Văn Đễ	Dương Thị Bình	43	291	LUC	Bờ Bến	418.6	418.6	
5	Phùng Văn Định	Nguyễn Thị Định	40	267	LUC	Sau Ngoài	310.7	1.0	
5	Phùng Văn Định	Nguyễn Thị Định	40	266	LUC	Sau Ngoài	337.4	16.7	
5	Phùng Văn Định	Nguyễn Thị Định	40	265	LUC	Sau Ngoài	312.7	1.8	
6	Dương Đức Giang	Phùng Thị Chung	43	60	LUC	Sau Trong	260.5	182.5	
6	Dương Đức Giang	Phùng Thị Chung	43	61	LUC	Sau Trong	302.1	64.1	
6	Dương Đức Giang	Phùng Thị Chung	43	278	LUC	Sau Trong	260.0	8.2	
6	Dương Đức Giang	Phùng Thị Chung	43	282	LUC	Sau Trong	520.0	247.5	
6	Dương Đức Giang	Phùng Thị Chung	43	265	LUC	Bờ Bến	220.2	220.2	
7	Nguyễn Thị Bình		43	308	LUC	Bờ Bến	234.5	3.4	
7	Nguyễn Thị Bình		43	307	LUC	Bờ Bến	167.0	167.0	
8	Dương Thị Bàn	Nguyễn Hữu Hải (đã chết)	43	358	LUC	Bờ Bến	257.5	195.8	
8	Dương Thị Bàn	Nguyễn Hữu Hải (đã chết)	43	359	LUC	Bờ Bến	414.2	70.5	
9	Tô Văn Hoan	Dương Thị Vụ	43	269	LUC	Bờ Bến	508.6	301.0	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9	Tô Văn Hoan	Dương Thị Vụ	43	270	LUC	Bờ Bến	509.8	55.9	
9	Tô Văn Hoan	Dương Thị Vụ	43	308	LUC	Bờ Bến	234.5	231.1	
10	Dương Văn Huệ	Thân Thị Thắng	39	70	LUC	Bờ Bến	122.2	122.2	
10	Dương Văn Huệ	Thân Thị Thắng	39	68	LUC	Sau Ngoài	300.0	45.4	
10	Dương Văn Huệ	Thân Thị Thắng	43	5	LUC	Sau Ngoài	300.0	260.9	
11	Nguyễn Văn Khen	Lê Thị Phương	43	27	LUC	Sau Trong	491.9	378.9	
11	Nguyễn Văn Khen	Lê Thị Phương	43	28	LUC	Sau Trong	452.9	135.3	
11	Nguyễn Văn Khen	Lê Thị Phương	43	183	LUC	Sau Trong	485.6	228.5	
11	Nguyễn Văn Khen	Lê Thị Phương	43	199	LUC	Sau Trong	510.2	257.3	
11	Nguyễn Văn Khen	Lê Thị Phương	43	220	LUC	Bờ Bến	223.6	223.6	
11	Nguyễn Văn Khen	Lê Thị Phương	40	244	LUC	Sau Ngoài	412.1	86.0	
11	Nguyễn Văn Khen	Lê Thị Phương	40	243	LUC	Sau Ngoài	302.2	214.1	
11	Nguyễn Văn Khen	Lê Thị Phương	39	28	LUC	Sân Bay	315.1	308.3	
12	Nguyễn Văn Khuông	Nguyễn Thị Giang	39	51	LUC	Sau Trong	410.3	364.9	
12	Nguyễn Văn Khuông	Nguyễn Thị Giang	39	50	LUC	Sau Trong	508.3	46.4	
12	Nguyễn Văn Khuông	Nguyễn Thị Giang	43	276	LUC	Sau Trong	599.5	366.7	
12	Nguyễn Văn Khuông	Nguyễn Thị Giang	43	277	LUC	Sau Trong	480.3	118.5	
12	Nguyễn Văn Khuông	Nguyễn Thị Giang	43	129	LUC	Bờ Bến	179.8	179.8	
13	Nguyễn Văn Khuyên	Dương Thị Sơn	43	366	LUC	Bờ Bến	440.2	189.7	
13	Nguyễn Văn Khuyên	Dương Thị Sơn	43	351	LUC	Bờ Bến	59.2	59.2	
14	Nguyễn Thị Lý		39	50	LUC	Sau Trong	508.3	461.9	
14	Nguyễn Thị Lý		39	65	LUC	Sau Trong	471.8	52.3	
14	Nguyễn Thị Lý		43	334	LUC	Bờ Bến	1,600.3	374.7	
15	Dương Văn Mai	Hoàng Thị Hiền	43	283	LUC	Bờ Bến	350.2	19.9	
15	Dương Văn Mai	Hoàng Thị Hiền	43	320	LUC	Bờ Bến	351.2	323.8	
16	Tổng Văn Nôi	Nguyễn Thị Chinh	43	225	LUC	Bờ Bến	401.2	401.2	
17	Phạm Thị Hòa		43	227	LUC	Bờ Bến	438.3	343.7	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
18	Tổng Văn Tĩnh	Tô Thị Bình	43	224	LUC	Bờ Bến	235.2	201.6	
18	Tổng Văn Tĩnh	Tô Thị Bình	43	251	LUC	Bờ Bến	767.6	53.1	
18	Tổng Văn Tĩnh	Tô Thị Bình	43	360	LUC	Bờ Bến	560.3	168.9	
18	Tổng Văn Tĩnh	Tô Thị Bình	43	360	LUC	Bờ Bến	560.3	336.3	
18	Tổng Văn Tĩnh	Tô Thị Bình	43	361	LUC	Bờ Bến	220.3	42.0	
18	Tổng Văn Tĩnh	Tô Thị Bình	43	124	LUC	Bờ Bến	407.1	162.8	
19	Tổng Văn Bình	Thân Thị Anh	43	124	LUC	Bờ Bến	407.1	244.3	
19	Tổng Văn Bình	Thân Thị Anh	43	251	LUC	Bờ Bến	767.6	714.5	
19	Tổng Văn Bình	Thân Thị Anh	43	250	LUC	Bờ Bến	350.2	48.2	
19	Tổng Văn Bình	Thân Thị Anh	43	359	LUC	Bờ Bến	414.2	343.7	
19	Tổng Văn Bình	Thân Thị Anh	43	360	LUC	Bờ Bến	560.3	44.7	
20	Phùng Văn Tới	Dương Thị Nghệ	39	66	LUC	Sau Trong	521.4	452.4	
20	Phùng Văn Tới	Dương Thị Nghệ	43	2	LUC	Sau Trong	360.0	87.5	
20	Phùng Văn Tới	Dương Thị Nghệ	43	231	LUC	Sau Trong	523.1	273.5	
20	Phùng Văn Tới	Dương Thị Nghệ	43	243	LUC	Sau Trong	280.0	237.9	
20	Phùng Văn Tới	Dương Thị Nghệ	43	256	BHK	Bờ Bến	859.9	859.9	
21	Thân Thị Thái		43	315	LUC	Bờ Bến	534.2	18.4	
21	Thân Thị Thái		43	316	LUC	Bờ Bến	293.7	288.2	
22	Tổng Văn Thành	Dương Thị Phương	43	290	LUC	Bờ Bến	347.3	347.3	
23	Dương Văn Thảo	Phùng Thị Giang	43	296	LUC	Bờ Bến	220.3	73.5	
24	Nguyễn Thị Mùi	Phùng Văn Thiệm (đã chết)	43	41	LUC	Sau Trong	391.2	311.6	
24	Nguyễn Thị Mùi	Phùng Văn Thiệm (đã chết)	43	58	LUC	Sau Trong	450.2	98.0	
24	Nguyễn Thị Mùi	Phùng Văn Thiệm (đã chết)	43	45	LUC	Bờ Bến	398.7	398.7	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
24	Nguyễn Thị Mùi	Phùng Văn Thiệm (đã chết)	40	243	LUC	Sau Ngoài	302.2	80.4	
24	Nguyễn Thị Mùi	Phùng Văn Thiệm (đã chết)	40	242	LUC	Sau Ngoài	483.3	375.8	
25	Nguyễn Văn Thoại	Thân Thị Vui	39	39	LUC	Sau Trong	591.6	591.6	
25	Nguyễn Văn Thoại	Thân Thị Vui	39	51	LUC	Sau Trong	410.3	45.4	
25	Nguyễn Văn Thoại	Thân Thị Vui	43	277	LUC	Sau Trong	480.3	361.8	
25	Nguyễn Văn Thoại	Thân Thị Vui	43	278	LUC	Sau Trong	260.0	251.8	
25	Nguyễn Văn Thoại	Thân Thị Vui	43	130	LUC	Bờ Bến	173.5	173.5	
26	Nguyễn Văn Sung	Nguyễn Thị Phong	43	320	LUC	Bờ Bến	351.2	27.4	
26	Nguyễn Văn Sung	Nguyễn Thị Phong	43	321	LUC	Bờ Bến	178.5	144.4	
27	Thân Đức Tuấn	Dương Thị Chinh	43	159	LUC	Bờ Bến	395.6	392.8	
28	Dương Trọng Cách	Ngô Thị Chấn	43	334	LUC	Bờ Bến	1,600.3	572.9	
28	Dương Trọng Cách	Ngô Thị Chấn	43	51	LUC	Bờ Bến	222.5	222.5	
28	Dương Trọng Cách	Ngô Thị Chấn	43	343	LUC	Bờ Bến	443.9	443.9	
29	Phùng Thị Quế		43	227	LUC	Bờ Bến	438.3	12.9	
29	Phùng Thị Quế		43	228	LUC	Bờ Bến	357.6	357.6	
29	Phùng Thị Quế		43	229	LUC	Bờ Bến	346.3	46.8	
29	Phùng Thị Quế		43	223	LUC	Bờ Bến	398.7	398.7	
29	Phùng Thị Quế		43	224	LUC	Bờ Bến	235.2	33.6	
30	Thân Anh Tuấn	Dương Thị Hồng	43	270	LUC	Bờ Bến	509.8	21.4	
30	Thân Anh Tuấn	Dương Thị Hồng	43	289	LUC	Bờ Bến	506.7	487.8	
30	Thân Anh Tuấn	Dương Thị Hồng	43	85	BHK	Bờ Bến	441.4	441.4	
31	Phùng Văn Chiến	Nguyễn Thị Tam	43	54	LUC	Bờ Bến	565.7	393.5	
31	Phùng Văn Chiến	Nguyễn Thị Tam	40	229	LUC	Sau Ngoài	453.0	250.2	
31	Phùng Văn Chiến	Nguyễn Thị Tam	39	29	LUC	Sân Bay	251.0	59.2	
31	Phùng Văn Chiến	Nguyễn Thị Tam	39	30	LUC	Sân Bay	443.7	412.5	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
32	Nguyễn Hữu Văn	Dương Thị Dung	43	81	BHK	Bờ Bến	201.6	201.6	
33	Phùng Thị Bé	Dương Văn Nam (đã chết)	43	319	LUC	Bờ Bến	265.2	265.2	
34	Thân Quang Chín		43	126	LUC	Bờ Bến	327.4	120.0	
35	Dương Tiến Bộ	Dương Thị Ánh	43	178	LUC	Bờ Bến	298.2	6.4	
35	Dương Tiến Bộ	Dương Thị Ánh	43	179	LUC	Bờ Bến	299.7	288.2	
36	Nguyễn Văn Cảnh	Phùng Thị Thắm (đã chết)	43	24	LUC	Sau Trong	247.9	228.2	
36	Nguyễn Văn Cảnh	Phùng Thị Thắm (đã chết)	43	25	LUC	Sau Trong	685.9	67.0	
36	Nguyễn Văn Cảnh	Phùng Thị Thắm (đã chết)	43	43	LUC	Sau Trong	451.0	451.0	
36	Nguyễn Văn Cảnh	Phùng Thị Thắm (đã chết)	43	55	LUC	Sau Trong	453.7	26.7	
36	Nguyễn Văn Cảnh	Phùng Thị Thắm (đã chết)	43	119	LUC	Bờ Bến	345.0	345.0	
36	Nguyễn Văn Cảnh	Phùng Thị Thắm (đã chết)	40	247	LUC	Sau Ngoài	298.1	180.8	
36	Nguyễn Văn Cảnh	Phùng Thị Thắm (đã chết)	40	251	LUC	Sau Ngoài	289.3	128.7	
36	Nguyễn Văn Cảnh	Phùng Thị Thắm (đã chết)	40	245	LUC	Sau Ngoài (Sau Trong)	433.3	50.7	
36	Nguyễn Văn Cảnh	Phùng Thị Thắm (đã chết)	40	244	LUC	Sau Ngoài (Sau Trong)	412.1	271.7	
36	Nguyễn Văn Cảnh	Phùng Thị Thắm (đã chết)	43	376	LUC	Đồi Rừng	2,638.2	30.5	
36	Nguyễn Văn Cảnh	Phùng Thị Thắm (đã chết)	43	239	LUC	Sau Trong	265.9	101.5	
37	Phùng Thị Chiến	Dương Văn Nguyên	39	52	LUC	Sau Trong	315.9	315.9	
37	Phùng Thị Chiến	Dương Văn Nguyên	43	198	LUC	Sau Trong	285.2	26.7	
37	Phùng Thị Chiến	Dương Văn Nguyên	43	230	LUC	Sau Trong	516.3	254.6	
37	Phùng Thị Chiến	Dương Văn Nguyên	43	53	LUC	Bờ Bến	170.6	170.6	
37	Phùng Thị Chiến	Dương Văn Nguyên	39	67	LUC	Sau Ngoài	754.5	51.7	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
37	Phùng Thị Chiến	Dương Văn Nguyên	39	68	LUC	Sau Ngoài	300.0	254.6	
37	Phùng Thị Chiến	Dương Văn Nguyên	40	223	LUC	Sân Bay	300.0	148.9	
37	Phùng Thị Chiến	Dương Văn Nguyên	39	24	LUC	Sân Bay	180.0	64.4	
38	Dương Văn Diện	Thân Thị Lâm	43	57	LUC	Sau Trong	298.5	290.9	
38	Dương Văn Diện	Thân Thị Lâm	43	73	LUC	Sau Trong	445.7	2.7	
38	Dương Văn Diện	Thân Thị Lâm	43	88	LUC	Bờ Bến	317.0	317.0	
38	Dương Văn Diện	Thân Thị Lâm	43	215	BHK	Bờ Bến	514.6	514.6	
39	Dương Tuấn Đạt	Phùng Thị Tiếp	43	78	LUC	Bờ Bến	227.1	227.1	
39	Dương Tuấn Đạt	Phùng Thị Tiếp	40	227	LUC	Sân Bay	265.2	99.7	
39	Dương Tuấn Đạt	Phùng Thị Tiếp	40	226	LUC	Sân Bay	125.0	125.0	
39	Dương Tuấn Đạt	Phùng Thị Tiếp	40	225	LUC	Sân Bay	273.3	45.0	
40	Phùng Văn Đê	Thân Thị Chung	43	71	LUC	Sau Trong	352.2	304.9	
40	Phùng Văn Đê	Thân Thị Chung	43	72	LUC	Sau Trong	451.6	135.8	
40	Phùng Văn Đê	Thân Thị Chung	43	310	LUC	Bờ Bến	359.3	359.3	
40	Phùng Văn Đê	Thân Thị Chung	39	23	LUC	Sân Bay	378.7	378.7	
41	Dương Văn Giang	Thân Thị Mai	43	200	LUC	Bờ Bến	357.6	262.0	
41	Dương Văn Giang	Thân Thị Mai	43	227	LUC	Bờ Bến	438.3	81.7	
41	Dương Văn Giang	Thân Thị Mai	43	350	LUC	Bờ Bến	220.1	218.2	
42	Trịnh Văn Hà	Dương Thị Sinh	43	168	LUC	Bờ Bến	334.5	334.5	
43	Dương Thị Hằng		43	250	LUC	Bờ Bến	350.2	302.0	
43	Dương Thị Hằng		43	249	LUC	Bờ Bến	507.8	53.3	
44	Trịnh Văn Thế	Dương Thị Huyền	43	204	LUC	Bờ Bến	235.3	235.3	
45	Dương Văn Kết	Thân Thị Biển	43	179	LUC	Bờ Bến	299.7	11.5	
45	Dương Văn Kết	Thân Thị Biển	43	180	LUC	Bờ Bến	430.2	405.8	
45	Dương Văn Kết	Thân Thị Biển	43	288	LUC	Bờ Bến	356.2	18.8	
45	Dương Văn Kết	Thân Thị Biển	43	315	LUC	Bờ Bến	534.2	515.8	
45	Dương Văn Kết	Thân Thị Biển	39	59	LUC	Bờ Bến	218.9	218.9	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
45	Dương Văn Kết	Thân Thị Biển	43	309	LUC	Bờ Bến	150.5	150.5	
45	Dương Văn Kết	Thân Thị Biển	43	111	LUC	Sau trong	450.0	137.1	
45	Dương Văn Kết	Thân Thị Biển	43	376	LUC	Đồi Rừng	2,638.2	260.8	
45	Dương Văn Kết	Thân Thị Biển	43	376	LUC	Đồi Rừng	2,638.2	30.5	
46	Dương Văn Khánh	Tổng Thị Hạnh	43	171	BHK	Bờ Bến	2,144.3	124.1	
47	Thân Văn Lộc	Dương Thị An	43	311	LUC	Bờ Bến	520.1	520.1	
47	Thân Văn Lộc	Dương Thị An	43	349	LUC	Bờ Bến	242.1	242.1	
48	Dương Thị Vừa		43	245	LUC	Bờ Bến	578.0	533.8	
48	Dương Thị Vừa		43	244	LUC	Bờ Bến	374.2	30.8	
49	Tổng Thị Lùng		43	93	LUC	Sau Trong	438.5	408.9	
49	Tổng Thị Lùng		43	116	LUC	Sau Trong	725.8	16.7	
49	Tổng Thị Lùng		43	253	LUC	Bờ Bến	218.9	218.9	
50	Nguyễn Thị Lương	Thân Văn Bộ (đã chết)	43	314	LUC	Bờ Bến	471.2	471.2	
51	Tổng Văn Ôn	Dương Thị Trang	43	180	LUC	Bờ Bến	430.2	24.4	
51	Tổng Văn Ôn	Dương Thị Trang	43	202	LUC	Bờ Bến	432.3	392.9	
52	Dương Thị Phụ		43	266	LUC	Bờ Bến	657.2	657.2	
53	Dương Văn Quýnh	Lã Thị Chung	43	115	LUC	Sau Trong	329.5	262.5	
53	Dương Văn Quýnh	Lã Thị Chung	43	135	LUC	Sau Trong	385.5	63.0	
53	Dương Văn Quýnh	Lã Thị Chung	43	301	LUC	Bờ Bến	256.8	256.8	
54	Dương Văn Sinh	Dương Thị Mai	43	139	LUC	Sau Trong	278.3	23.3	
54	Dương Văn Sinh	Dương Thị Mai	43	154	LUC	Sau Trong	400.0	1.3	
54	Dương Văn Sinh	Dương Thị Mai	43	304	LUC	Bờ Bến	354.5	354.5	
54	Dương Văn Sinh	Dương Thị Mai	40	248	LUC	Sau Ngoài	445.6	218.0	
54	Dương Văn Sinh	Dương Thị Mai	40	247	LUC	Sau Ngoài	298.1	117.3	
55	Dương Thị Tâm		43	23	LUC	Sau Trong	503.2	503.2	
55	Dương Thị Tâm		43	42	LUC	Sau Trong	846.5	55.7	
55	Dương Thị Tâm		43	264	LUC	Bờ Bến	381.2	381.2	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
55	Dương Thị Tâm		43	295	LUC	Bờ Bến	92.0	7.8	
56	Thân Văn Tiến	Dương Thị Hương	43	62	LUC	Sau Trong	515.3	436.4	
56	Thân Văn Tiến	Dương Thị Hương	43	68	LUC	Sau Trong	370.2	21.7	
56	Thân Văn Tiến	Dương Thị Hương	43	336	LUC	Bờ Bến	377.7	377.7	
56	Thân Văn Tiến	Dương Thị Hương	40	240	LUC	Sau Ngoài	335.2	286.1	
56	Thân Văn Tiến	Dương Thị Hương	40	239	LUC	Sau Ngoài	519.4	35.4	
57	Nguyễn Văn Tuấn	Dương Thị Thoa	43	75	LUC	Sau Trong	370.5	326.7	
57	Nguyễn Văn Tuấn	Dương Thị Thoa	43	74	LUC	Sau Trong	275.0	50.1	
57	Nguyễn Văn Tuấn	Dương Thị Thoa	43	246	LUC	Bờ Bến	502.6	502.6	
58	Dương Xuân Tươi	Thân Thị Xiêm	43	329	LUC	Bờ Bến	658.1	458.1	
59	Phùng Xuân Thành	Chu Thị Thị	43	42	LUC	Sau Trong	846.5	537.6	
59	Phùng Xuân Thành	Chu Thị Thị	43	79	LUC	Bờ Bến	387.6	387.6	
59	Phùng Xuân Thành	Chu Thị Thị	40	232	LUC	Sau Ngoài	274.3	144.2	
59	Phùng Xuân Thành	Chu Thị Thị	40	233	LUC	Sau Ngoài	88.7	5.6	
60	Dương Văn Thu	Dương Thị Thành	43	59	LUC	Sau Trong	381.6	273.1	
60	Dương Văn Thu	Dương Thị Thành	43	70	LUC	Sau Trong	850.2	110.9	
60	Dương Văn Thu	Dương Thị Thành	43	268	LUC	Bờ Bến	356.2	301.4	
60	Dương Văn Thu	Dương Thị Thành	43	269	LUC	Bờ Bến	508.6	207.6	
60	Dương Văn Thu	Dương Thị Thành	43	171	BHK	Bờ Bến	2,144.3	543.8	
61	Dương Thị Hiền	Dương Văn Ước (đã chết)	43	11	LUC	Sau Trong	532.3	428.0	
61	Dương Thị Hiền	Dương Văn Ước (đã chết)	43	10	LUC	Sau Trong	498.0	187.0	
61	Dương Thị Hiền	Dương Văn Ước (đã chết)	43	197	LUC	Sau Trong	652.6	549.5	
61	Dương Thị Hiền	Dương Văn Ước (đã chết)	43	196	LUC	Sau Trong	450.2	41.4	
61	Dương Thị Hiền	Dương Văn Ước (đã chết)	43	173	LUC	Bờ Bến	298.8	298.8	
61	Dương Thị Hiền	Dương Văn Ước (đã chết)	39	67	LUC	Sau Ngoài	754.5	306.3	
61	Dương Thị Hiền	Dương Văn Ước (đã chết)	43	89	LUC	Bờ Bến	223.4	223.4	
62	Phùng Xuân Mạnh	Thân Thị Vân (đã chết)	43	112	LUC	Sau Trong	291.3	274.6	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
62	Phùng Xuân Mạnh	Thân Thị Vân (đã chết)	43	54	LUC	Bờ Bến	565.7	172.2	
62	Phùng Xuân Mạnh	Thân Thị Vân (đã chết)	39	28	LUC	Sân Bay	315.1	6.8	
62	Phùng Xuân Mạnh	Thân Thị Vân (đã chết)	39	29	LUC	Sân Bay	251.0	191.8	
63	Nguyễn Văn Vệ	Thân Thị Huyền	43	206	LUC	Bờ Bến	175.6	175.6	
64	Phùng Văn Viện	Dương Thị Chinh	43	369	LUC	Bờ Bến	434.5	434.5	
64	Phùng Văn Viện	Dương Thị Chinh	43	348	LUC	Bờ Bến	1,544.2	1,544.2	
64	Phùng Văn Viện	Dương Thị Chinh	43	370	LUC	Bờ Bến	838.9	838.9	
64	Phùng Văn Viện	Dương Thị Chinh	43	371	LUC	Bờ Bến	978.3	916.6	
64	Phùng Văn Viện	Dương Thị Chinh	43	347	LUC	Bờ Bến	375.3	366.9	
64	Phùng Văn Viện	Dương Thị Chinh	43	346	LUC	Bờ Bến	665.3	651.4	
64	Phùng Văn Viện	Dương Thị Chinh	43	345	LUC	Bờ Bến	352.6	346.7	
64	Phùng Văn Viện	Dương Thị Chinh	43	344	LUC	Bờ Bến	534.5	7.3	
64	Phùng Văn Viện	Dương Thị Chinh	43	123	LUC	Bờ Bến	191.0	191.0	
64	Phùng Văn Viện	Dương Thị Chinh	43	167	LUC	Bờ Bến	301.2	301.2	
64	Phùng Văn Viện	Dương Thị Chinh	43	218	BHK	Bờ Bến	580.6	580.6	
65	Thân Thị Liên	Phùng Thế Xuân (đã chết)	43	113	LUC	Sau Trong	372.3	362.6	
65	Thân Thị Liên	Phùng Thế Xuân (đã chết)	43	137	LUC	Sau Trong	345.8	14.2	
65	Thân Thị Liên	Phùng Thế Xuân (đã chết)	43	296	LUC	Bờ Bến	220.3	146.8	
66	Dương Văn Hạnh	Thân Thị Tĩnh	43	68	LUC	Sau Trong		3.2	
67	Tổng Văn Thêu	Dương Thị Tươi	43	330	LUC	Bờ Bến	712.9	448.6	
67	Tổng Văn Thêu	Dương Thị Tươi	43	367	LUC	Bờ Bến	560.3	336.1	
67	Tổng Văn Thêu	Dương Thị Tươi	43	171	BHK	Bờ Bến	2,144.3	171.1	
68	Dương Văn Quang	Thân Thị Sử	43	55	LUC	Sau Trong	453.7	427.0	
68	Dương Văn Quang	Thân Thị Sử	43	56	LUC	Sau Trong	128.3	13.5	
68	Dương Văn Quang	Thân Thị Sử	43	120	LUC	Bờ Bến	234.9	234.9	
68	Dương Văn Quang	Thân Thị Sử	39	43	LUC	Sau Ngoài	470.6	470.6	
68	Dương Văn Quang	Thân Thị Sử	39	47	LUC	Sau Ngoài	290.0	43.9	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
69	Nguyễn Thị Thêm	Dương Thanh Bàn	43	289	LUC	Bờ Bến	506.7	18.9	
69	Nguyễn Thị Thêm	Dương Thanh Bàn	43	288	LUC	Bờ Bến	356.2	337.4	
69	Nguyễn Thị Thêm	Dương Thanh Bàn	43	313	LUC	Bờ Bến	539.1	539.1	
69	Nguyễn Thị Thêm	Dương Thanh Bàn	43	171	BHK	Bờ Bến	2,144.3	105.7	
69	Nguyễn Thị Thêm	Dương Thanh Bàn	43	216	BHK	Bờ Bến	396.8	396.8	
70	Dương Văn Chanh	Hoàng Thị Tuyên	43	8	LUC	Sau Trong	285.0	184.7	
70	Dương Văn Chanh	Hoàng Thị Tuyên	43	7	LUC	Sau Trong	447.9	98.1	
70	Dương Văn Chanh	Hoàng Thị Tuyên	43	243	LUC	Sau Trong	280.0	42.1	
70	Dương Văn Chanh	Hoàng Thị Tuyên	43	242	LUC	Sau Trong	301.2	239.2	
70	Dương Văn Chanh	Hoàng Thị Tuyên	43	22	LUC	Bờ Bến	132.3	132.3	
71	Nguyễn Thị Hương	Tổng Văn Bắc (đã chết)	43	244	LUC	Bờ Bến	374.2	343.4	
72	Nguyễn Văn Hào	Dương Thị Nhi	43	76	LUC	Sau Trong	443.2	443.2	
72	Nguyễn Văn Hào	Dương Thị Nhi	43	75	LUC	Sau Trong	370.5	43.8	
72	Nguyễn Văn Hào	Dương Thị Nhi	43	299	LUC	Bờ Bến	239.8	239.8	
72	Nguyễn Văn Hào	Dương Thị Nhi	39	48	LUC	Sau Ngoài	746.8	454.0	
73	Nguyễn Thị Huệ	Vũ Văn Tý	43	205	LUC	Bờ Bến	255.3	255.3	
74	Thân Thị Lan		43	70	LUC	Sau Trong	850.2	163.5	
74	Thân Thị Lan		43	69	LUC	Sau Trong	284.3	220.5	
75	Nguyễn Tiến Khoa	Phùng Thị Dính	43	275	LUC	Bờ Bến	735.3	735.3	
76	Lê Minh Đón	Nguyễn Thị Trinh	43	208	LUC	Bờ Bến	340.2	340.2	
76	Lê Minh Đón	Nguyễn Thị Trinh	43	5	LUC	Sau Ngoài	300.0	39.1	
76	Lê Minh Đón	Nguyễn Thị Trinh	43	4	LUC	Sau Ngoài	295.0	295.0	
76	Lê Minh Đón	Nguyễn Thị Trinh	43	3	LUC	Sau Ngoài	380.0	48.8	
76	Lê Minh Đón	Nguyễn Thị Trinh	39	31	LUC	Sân Bay	321.9	80.0	
76	Lê Minh Đón	Nguyễn Thị Trinh	39	32	LUC	Sân Bay	406.1	317.2	
76	Lê Minh Đón	Nguyễn Thị Trinh	43	96	LUC	Sau Trong	519.8	126.7	
76	Lê Minh Đón	Nguyễn Thị Trinh	43	97	LUC	Sau Trong	370.5	370.5	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
76	Lê Minh Đón	Nguyễn Thị Trinh	43	112		Sau Trong	291.3	16.7	
77	Lê Thị Nhân		43	158	LUC	Sau Trong	405.2	156.6	
77	Lê Thị Nhân		43	157	LUC	Sau Trong	385.0	252.5	
77	Lê Thị Nhân		43	128	LUC	Bờ Bến	220.3	220.3	
78	Lê Văn Gạt	Dương Thị Hằng	43	209	LUC	Bờ Bến	221.4	221.4	
78	Lê Văn Gạt	Dương Thị Hằng	43	71	LUC	Sau Trong	352.2	47.3	
78	Lê Văn Gạt	Dương Thị Hằng	43	96	LUC	Sau Trong	519.8	393.1	
79	Lê Văn Đưa	Phùng Thị Yên	43	117	LUC	Bờ Bến	247.6	247.6	
79	Lê Văn Đưa	Phùng Thị Yên	39	44	LUC	Sau Ngoài	171.6	171.6	
79	Lê Văn Đưa	Phùng Thị Yên	40	250	LUC	Sau Ngoài	287.2	166.9	
80	Phùng Văn Lợi	Dương Thị Đới	43	58	LUC	Sau Trong	450.2	352.2	
80	Phùng Văn Lợi	Dương Thị Đới	43	59	LUC	Sau Trong	381.6	108.5	
80	Phùng Văn Lợi	Dương Thị Đới	40	270	LUC	Sau Ngoài	365.0	90.7	
80	Phùng Văn Lợi	Dương Thị Đới	40	219	LUC	Sân Bay	27.3	14.9	
81	Dương Văn Thăng	Phùng Thị Khánh	43	306	LUC	Bờ Bến	232.1	232.1	
82	Nguyễn Văn Mạnh	Dương Thị Luyện	43	322	LUC	Bờ Bến	345.0	35.4	
82	Nguyễn Văn Mạnh	Dương Thị Luyện	43	327	LUC	Bờ Bến	346.7	312.1	
83	Phùng Văn Thế	Nguyễn Thị Thanh	43	121	LUC	Bờ Bến	231.3	231.3	
84	Phùng Văn Tường	Phùng Thị Tĩnh	43	94	LUC	Sau Trong	668.4	264.0	
85	Phùng Văn Duyên	Thân Thị Mai (đã chết); Phùng Văn Cần (đã chết)	43	94	LUC	Sau Trong	668.4	353.0	
85	Phùng Văn Duyên	Thân Thị Mai (đã chết); Phùng Văn Cần (đã chết)	43	95	LUC	Sau Trong	277.4	36.1	
85	Phùng Văn Duyên	Thân Thị Mai (đã chết); Phùng Văn Cần (đã chết)	43	166	LUC	Bờ Bến	352.4	352.4	
85	Phùng Văn Duyên	Thân Thị Mai (đã chết); Phùng Văn Cần (đã chết)	43	171	BHK	Bờ Bến	2,144.3	340.5	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
85	Phùng Văn Duyên	Thân Thị Mai (đã chết); Phùng Văn Cần (đã chết)	39	37	LUC	Bờ Bến	120.0	120.0	
86	Dương Văn Chức	Nguyễn Thị Tâm	43	273	LUC	Bờ Bến	438.5	438.5	
86	Dương Văn Chức	Nguyễn Thị Tâm	43	366	LUC	Bờ Bến	440.2	73.2	
86	Dương Văn Chức	Nguyễn Thị Tâm	40	256	LUC	Sau Ngoài	482.3	261.6	
86	Dương Văn Chức	Nguyễn Thị Tâm	40	257	LUC	Sau Ngoài	459.2	218.7	
87	Dương Văn Hanh	Dương Văn Dưỡng (đã chết) Chu Thị Thi (đã chết)	43	135	LUC	Sau Trong	385.5	322.5	
87	Dương Văn Hanh	Dương Văn Dưỡng (đã chết) Chu Thị Thi (đã chết)	43	136	LUC	Sau Trong	382.8	53.0	
87	Dương Văn Hanh	Dương Văn Dưỡng (đã chết) Chu Thị Thi (đã chết)	43	230	LUC	Sau Trong	516.3	261.7	
87	Dương Văn Hanh	Dương Văn Dưỡng (đã chết) Chu Thị Thi (đã chết)	43	231	LUC	Sau Trong	523.1	121.8	
87	Dương Văn Hanh	Dương Văn Dưỡng (đã chết) Chu Thị Thi (đã chết)	43	303	LUC	Bờ Bến	229.8	229.8	
88	Nguyễn Văn Điện		43	272	LUC	Bờ Bến	263.2	263.2	
88	Nguyễn Văn Điện		43	366	LUC	Bờ Bến	440.2	162.0	
88	Nguyễn Văn Điện		43	367	LUC	Bờ Bến	560.3	7.3	
89	Dương Văn Hạnh	Dương Thị Oanh	43	292	LUC	Bờ Bến	421.8	421.8	
90	Dương Thị Hình	Nguyễn Văn Quân (đã chết)	43	285	LUC	Bờ Bến	495.8	495.8	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
90	Dương Thị Hình	Nguyễn Văn Quân (đã chết)	43	284	LUC	Bờ Bến	376.8	216.0	
90	Dương Thị Hình	Nguyễn Văn Quân (đã chết)	43	284	LUC	Bờ Bến	376.8	147.4	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Mỹ (đã chết)	43	195	LUC	Sau Trong	380.0	262.7	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Mỹ (đã chết)	43	232	LUC	Sau Trong	172.6	41.6	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Mỹ (đã chết)	43	219	LUC	Bờ Bến	205.8	205.8	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Mỹ (đã chết)	43	87	LUC	Bờ Bến	517.6	517.6	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Mỹ (đã chết)	43	80	BHK	Bờ Bến	353.4	179.3	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Mỹ (đã chết)	40	222	LUC	Sân Bay	494.8	120.0	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Đông	43	14	LUC	Sau Trong	442.5	442.5	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Đông	43	13	LUC	Sau Trong	570.2	22.7	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Đông	43	233	LUC	Sau Trong	302.3	188.2	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Đông	43	234	LUC	Sau Trong	287.2	17.4	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Đông	43	254	LUC	Bờ Bến	266.8	266.8	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Đông	43	80	BHK	Bờ Bến	353.4	174.1	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Đông	40	222	LUC	Sân Bay	494.8	323.0	
91	Nguyễn Văn Ngàn	Dương Thị Đông	40	263	LUC	Sau Ngoài	378.4	177.2	
92	Phùng Thị Nhâm	Trịnh Văn Quyền	43	249	LUC	Bờ Bến	507.8	454.5	
92	Phùng Thị Nhâm	Trịnh Văn Quyền	43	268	LUC	Bờ Bến	356.2	54.8	
92	Phùng Thị Nhâm	Trịnh Văn Quyền	40	269	LUC	Sau Ngoài	290.0	205.9	
92	Phùng Thị Nhâm	Trịnh Văn Quyền	40	270	LUC	Sau Ngoài	365.0	49.2	
93	Thân Ngọc Sang; Phùng Văn Thức		43	116	LUC	Sau Trong	725.8	333.6	
93	Thân Ngọc Sang; Phùng Văn Thức		43	115	LUC	Sau Trong	329.5	67.0	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
93	Thân Ngọc Sang; Phùng Văn Thúc		43	44	LUC	Bờ Bến	515.8	221.0	
93	Thân Ngọc Sang; Phùng Văn Thúc		40	252	LUC	Sau Ngoài	702.3	295.6	
94	Dương Thị Sự	Dương Văn Hưng	43	10	LUC	Sau Trong	498.0	311.0	
94	Dương Thị Sự	Dương Văn Hưng	43	26	LUC	Sau Trong	514.0	181.5	
94	Dương Thị Sự	Dương Văn Hưng	43	231	LUC	Sau Trong	523.1	127.8	
94	Dương Thị Sự	Dương Văn Hưng	39	56	LUC	Bờ Bến	326.0	326.0	
94	Dương Thị Sự	Dương Văn Hưng	44	4	LUC	Sau Ngoài	349.8	27.0	
94	Dương Thị Sự	Dương Văn Hưng	44	3	LUC	Sau Ngoài	357.9	20.4	
95	Dương Văn Tiếng	Dương Thị Thành	43	242	LUC	Sau Trong	301.2	62.0	
95	Dương Văn Tiếng	Dương Thị Thành	43	241	LUC	Sau Trong	180.0	180.0	
95	Dương Văn Tiếng	Dương Thị Thành	43	276	LUC	Sau Trong	599.5	64.8	
95	Dương Văn Tiếng	Dương Thị Thành	43	300	LUC	Bờ Bến	340.7	340.7	
95	Dương Văn Tiếng	Dương Thị Thành	43	342	LUC	Bờ Bến	331.2	331.2	
95	Dương Văn Tiếng	Dương Thị Thành	39	53	LUC	Bờ Bến	326.9	326.9	
96	Nguyễn Thị Tươi	Dương Văn Tụ đã chết	43	237	LUC	Sau Trong	332.5	23.5	
96	Nguyễn Thị Tươi	Dương Văn Tụ đã chết	43	237	LUC	Sau Trong		45.6	
96	Nguyễn Thị Tươi	Dương Văn Tụ đã chết	43	238	LUC	Sau Trong	560.8	290.5	
96	Nguyễn Thị Tươi	Dương Văn Tụ đã chết	43	279	LUC	Sau Trong	423.9	355.2	
96	Nguyễn Thị Tươi	Dương Văn Tụ đã chết	43	280	LUC	Sau Trong	290.4	46.5	
96	Nguyễn Thị Tươi	Dương Văn Tụ đã chết	43	127	LUC	Bờ Bến	448.1	237.3	
96	Nguyễn Thị Tươi	Dương Văn Tụ đã chết	44	5	LUC	Sau Ngoài	322.9	16.9	
96	Nguyễn Thị Tươi	Dương Văn Tụ đã chết	44	4	LUC	Sau Ngoài	349.8	25.2	
96	Nguyễn Thị Tươi	Dương Văn Tụ đã chết	39	30	LUC	Sân Bay	443.7	31.2	
96	Nguyễn Thị Tươi	Dương Văn Tụ đã chết	39	31	LUC	Sân Bay	321.9	241.9	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
97	Nguyễn Văn Khuyến	Thân Thị Nhung (đã chết) Nguyễn Văn Tuyên (đã chết)	43	274	LUC	Bờ Bến	185.2	185.2	
98	Nguyễn Thị Thắm	Nguyễn Văn Ba	43	202	LUC	Bờ Bến	432.3	39.4	
98	Nguyễn Thị Thắm	Nguyễn Văn Ba	43	201	LUC	Bờ Bến	356.0	356.0	
98	Nguyễn Thị Thắm	Nguyễn Văn Ba	43	200	LUC	Bờ Bến	357.6	95.6	
99	Dương Thị Vân	Dương Văn Vang (đã chết) Thân Thị Định (đã chết)	43	127	LUC	Bờ Bến	448.1	210.8	
100	Thân Văn Hải	Phùng Thị Đức	43	136	LUC	Sau Trong	382.8	329.8	
100	Thân Văn Hải	Phùng Thị Đức	43	156	LUC	Sau Trong	450.0	45.7	
100	Thân Văn Hải	Phùng Thị Đức	43	302	LUC	Bờ Bến	226.5	226.5	
101	Dương Thị Lý	Dương Văn Căn	43	171	BHK	Bờ Bến	2,144.3	296.6	
102	Bùi Thế Nhân; Đào Thị Cúc	Phùng Thị Lược	43	69	LUC	Sau Trong	284.3	63.8	
102	Bùi Thế Nhân; Đào Thị Cúc	Phùng Thị Lược	43	98	LUC	Sau Trong	455.6	217.8	
102	Bùi Thế Nhân; Đào Thị Cúc	Phùng Thị Lược	39	61	LUC	Bờ Bến	176.6	176.6	
103	Tổng Văn Thêu (Tươi)	Tổng Văn Chương (đã chết); Giáp Thị Thiềm (đã chết)	43	330	LUC	Bờ Bến	712.9	264.3	
103	Tổng Văn Thêu (Tươi)	Tổng Văn Chương (đã chết); Giáp Thị Thiềm (đã chết)	43	367	LUC	Bờ Bến	560.3	215.6	
103	Tổng Văn Thêu (Tươi)	Tổng Văn Chương (đã chết); Giáp Thị Thiềm (đã chết)	43	368	LUC	Bờ Bến	340.2	3.3	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
103	Tổng Văn Thêu (Tươi)	Tổng Văn Chương (đã chết); Giáp Thị Thiềm (đã chết)	43	86	LUC	Bờ Bến	137.4	137.4	
103	Tổng Văn Thêu (Tươi)	Tổng Văn Chương (đã chết); Giáp Thị Thiềm (đã chết)	43	171	BHK	Bờ Bến	2,144.3	258.2	
104	Thân Văn Thịnh	Phùng Thị Liên	43	132	LUC	Sau Trong	300.0	50.2	
104	Thân Văn Thịnh	Phùng Thị Liên	43	133	LUC	Sau Trong	356.3	256.6	
104	Thân Văn Thịnh	Phùng Thị Liên	43	122	LUC	Bờ Bến	289.8	289.8	
104	Thân Văn Thịnh	Phùng Thị Liên	40	242	LUC	Sau Ngoài	483.3	12.8	
104	Thân Văn Thịnh	Phùng Thị Liên	40	241	LUC	Sau Ngoài	293.0	192.9	
105	Dương Thị Phụng	Tổng Văn Vinh (đã chết)	43	258	LUC	Bờ Bến	223.1	223.1	
105	Dương Thị Phụng	Tổng Văn Vinh (đã chết)	40	255	LUC	Sau Ngoài	252.0	29.0	
105	Dương Thị Phụng	Tổng Văn Vinh (đã chết)	40	256	LUC	Sau Ngoài	482.3	111.7	
106	Tổng Văn Bình	Dương Thị Lờ (đã chết); Tổng Văn Bạo (đã chết)	43	248	LUC	Bờ Bến	180.0	180.0	
107	Nguyễn Thị Công	Nguyễn Văn Hồ (đã chết)	43	270	LUC	Bờ Bến	509.8	432.5	
107	Nguyễn Thị Công	Nguyễn Văn Hồ (đã chết)	43	19	LUC	Bờ Bến	309.3	309.3	
108	Thân Văn Cường	Thân Văn Dự (đã chết) Dương Thị Diễm (đã chết)	43	203	LUC	Bờ Bến	212.3	212.3	
109	Dương Xuân Huân	Dương Thị Cồn (đã chết); Dương Văn Đàng (đã chết)	39	64	LUC	Sau Trong	459.7	52.4	
109	Dương Xuân Huân	Dương Thị Cồn (đã chết); Dương Văn Đàng (đã chết)	43	12	LUC	Sau Trong	187.7	187.7	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
109	Dương Xuân Huấn	Dương Thị Cồn (đã chết); Dương Văn Đàng (đã chết)	43	11	LUC	Sau Trong	532.3	104.3	
109	Dương Xuân Huấn	Dương Thị Cồn (đã chết); Dương Văn Đàng (đã chết)	43	185	LUC	Sau Trong	180.3	128.1	
109	Dương Xuân Huấn	Dương Thị Cồn (đã chết); Dương Văn Đàng (đã chết)	43	197	LUC	Sau Trong	652.6	50.1	
109	Dương Xuân Huấn	Dương Thị Cồn (đã chết); Dương Văn Đàng (đã chết)	43	48	LUC	Bờ Bến	130.2	130.2	
110	Dương Thế Hậu	Dương Thế Cách (đã chết); Nguyễn Thị Mùn (đã chết)	43	318	LUC	Bờ Bến	765.5	765.5	
110	Dương Thế Hậu	Dương Thế Cách (đã chết); Nguyễn Thị Mùn (đã chết)	43	357	LUC	Bờ Bến	282.2	282.2	
110	Dương Thế Hậu	Dương Thế Cách (đã chết); Nguyễn Thị Mùn (đã chết)	43	358	LUC	Bờ Bến	257.5	61.7	
111	Dương Hải Đức	Nguyễn Thị Hành (đã chết); Dương Văn Phách (đã chết)	43	226	LUC	Bờ Bến	582.3	582.3	
112	Dương Thị Dung	Thân Thị Tiên (Y) (đã chết)	43	331	LUC	Bờ Bến	161.5	161.5	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
112	Dương Thị Dung	Thân Thị Tiến (Y) (đã chết)	43	126	LUC	Bờ Bến	327.4	207.4	
113	Hoàng Văn Bình; Hoàng Thị Thu Phương	Phùng Thị Thảo (đã chết)	43	297	LUC	Bờ Bến	128.7	128.7	
113	Hoàng Văn Bình; Hoàng Thị Thu Phương	Phùng Thị Thảo (đã chết)	40	235	LUC	Sau Ngoài	187.0	142.0	
113	Hoàng Văn Bình; Hoàng Thị Thu Phương	Phùng Thị Thảo (đã chết)	40	236	LUC	Sau Ngoài	177.7	50.5	
114	Phùng Thị Thủy		40	264	LUC	Sau Ngoài	417.7	34.0	
114	Phùng Thị Thủy		40	271	LUC	Sau Ngoài	325.6	23.1	
115	Dương Tuấn Long	Phùng Thị Thạch (đã chết); Dương Văn Thực (đã chết)	43	363	LUC	Bờ Bến	270.6	233.4	
115	Dương Tuấn Long	Phùng Thị Thạch (đã chết); Dương Văn Thực (đã chết)	43	364	LUC	Bờ Bến	225.6	33.1	
115	Dương Tuấn Long	Phùng Thị Thạch (đã chết); Dương Văn Thực (đã chết)	43	172	LUC	Bờ Bến	418.8	418.8	
116	Phùng Thị Loan	Thân Thị Lậm (đã chết) Phùng Văn Chính (Phùng Xuân Chính) (đã chết)	43	37	LUC	Sau Trong	510.0	172.2	
116	Phùng Thị Loan	Thân Thị Lậm (đã chết) Phùng Văn Chính (Phùng Xuân Chính) (đã chết)	43	114	LUC	Sau Trong	527.7	517.8	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
116	Phùng Thị Loan	Thân Thị Lậm (đã chết) Phùng Văn Chính (Phùng Xuân Chính) (đã chết)	43	113	LUC	Sau Trong	372.3	9.7	
116	Phùng Thị Loan	Thân Thị Lậm (đã chết) Phùng Văn Chính (Phùng Xuân Chính) (đã chết)	43	252	LUC	Bờ Bến	395.3	395.3	
117	Phùng Thị Loan	Thân Thị Lậm (đã chết) Phùng Văn Chính (Phùng Xuân Chính) (đã chết)	40	239	LUC	Sau Ngoài	519.4	484.0	
118	Vũ Văn Minh	Nguyễn Thị Văng (đã chết)	43	199	LUC	Sau Trong	510.2	252.9	
118	Vũ Văn Minh	Nguyễn Thị Văng (đã chết)	43	198	LUC	Sau Trong	285.2	258.5	
118	Vũ Văn Minh	Nguyễn Thị Văng (đã chết)	43	1	LUC	Bờ Bến	286.4	286.4	
119	Dương Văn Khánh	Tổng Thị Hạnh	43	214	BHK	Bờ Bến	348.5	176.7	
120	Thân Thị Vân	Tổng Văn Hơn	43	312	LUC		382.9	382.9	
120	Thân Thị Vân	Tổng Văn Hơn	43	169	LUC		427.8	427.8	
121	Tổng Văn Dự	Dương Thị Tiến (vợ)	43	7	LUC	Sau Trong	447.9	349.8	
121	Tổng Văn Dự	Dương Thị Tiến (vợ)	43	27	LUC	Sau Trong	491.9	113.0	
121	Tổng Văn Dự	Dương Thị Tiến (vợ)	43	156	LUC	Sau Trong	450.0	404.3	
121	Tổng Văn Dự	Dương Thị Tiến (vợ)	43	155	LUC	Sau Trong	697.6	46.4	
121	Tổng Văn Dự	Dương Thị Tiến (vợ)	43	211	LUC	Bờ Bến	228.3	228.3	
121	Tổng Văn Dự	Dương Thị Tiến (vợ)	40	246	LUC	Sau Ngoài	333.6	51.0	
121	Tổng Văn Dự	Dương Thị Tiến (vợ)	40	245	LUC	Sau Ngoài	433.3	382.6	
122	Phùng Văn Hưởng	Dương Thị Dung (vợ)	39	62	LUC	Sau Trong	289.1	270.6	
122	Phùng Văn Hưởng	Dương Thị Dung (vợ)	43	235	LUC	Sau Trong	289.3	115.4	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
122	Phùng Văn Hưởng	Dương Thị Dung (vợ)	43	240	LUC	Sau Trong	583.6	65.0	
122	Phùng Văn Hưởng	Dương Thị Dung (vợ)	43	163	LUC	Bờ Bến	172.3	172.3	
123	Dương Thị Thanh	Phùng Văn Bích (đã chết) (chồng)	43	157	LUC	Sau Trong	385.0	132.5	
123	Dương Thị Thanh	Phùng Văn Bích (đã chết) (chồng)	43	181	LUC	Sau Trong	350.0	251.0	
123	Dương Thị Thanh	Phùng Văn Bích (đã chết) (chồng)	43	221	LUC	Bờ Bến	295.1	295.1	
123	Dương Thị Thanh	Phùng Văn Bích (đã chết) (chồng)	44	25	LUC	Sau Ngoài	300.0	171.4	
123	Dương Thị Thanh	Phùng Văn Bích (đã chết) (chồng)	44	26	LUC	Sau Ngoài	160.0	160.0	
123	Dương Thị Thanh	Phùng Văn Bích (đã chết) (chồng)	44	17	LUC	Sau Ngoài	195.0	31.6	
123	Dương Thị Thanh	Phùng Văn Bích (đã chết) (chồng)	44	16	LUC	Sau Ngoài	360.1	360.1	
124	Dương Văn Cảnh	Thân Thị Vinh (Vợ)	43	293	LUC	Bờ Bến	371.9	371.9	
124	Dương Văn Cảnh	Thân Thị Vinh (Vợ)	43	362	LUC	Bờ Bến	221.3	181.5	
124	Dương Văn Cảnh	Thân Thị Vinh (Vợ)	43	363	LUC	Bờ Bến	270.6	37.2	
124	Dương Văn Cảnh	Thân Thị Vinh (Vợ)	43	213	BHK	Bờ Bến	454.8	182.0	
125	Dương Văn Đạo	Thân Thị Chiên (Vợ)	43	50	LUC	Bờ Bến	529.2	396.9	
126	Dương Văn Điện-Tý	Dương Thị Hương (vợ)	43	174	LUC	Bờ Bến	312.2	312.2	
126	Dương Văn Điện-Tý	Dương Thị Hương (vợ)	40	224	LUC	Sân Bay	260.5	196.7	
126	Dương Văn Điện-Tý	Dương Thị Hương (vợ)	40	223	LUC	Sân Bay	300.0	151.1	
126	Dương Văn Điện-Tý	Dương Thị Hương (vợ)	43	56	LUC	Sau Trong	128.3	114.8	
126	Dương Văn Điện-Tý	Dương Thị Hương (vợ)	43	57	LUC	Sau Trong	298.5	7.6	
127	Dương Văn Đông	Phùng Thị Lai (đã chết)	43	344	LUC	Bờ Bến	534.5	411.4	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
127	Dương Văn Đông	Phùng Thị Lai (đã chết)	43	259	LUC	Bờ Bến	129.1	129.1	
128	Dương Văn Kính	Thân Thị Thương (vợ)	43	364	LUC	Bờ Bến	225.6	192.5	
128	Dương Văn Kính	Thân Thị Thương (vợ)	43	365	LUC	Bờ Bến	135.8	25.2	
129	Dương Văn Ngà	Phùng Thị Tâm (vợ)	43	98	LUC	Sau Trong	455.6	156.1	
129	Dương Văn Ngà	Phùng Thị Tâm (vợ)	43	138	LUC	Sau Trong	418.7	389.1	
129	Dương Văn Ngà	Phùng Thị Tâm (vợ)	43	139	LUC	Sau Trong	278.3	17.7	
129	Dương Văn Ngà	Phùng Thị Tâm (vợ)	43	47	LUC	Bờ Bến	250.6	250.6	
129	Dương Văn Ngà	Phùng Thị Tâm (vợ)	43	99	LUC	Sân Bay	355.7	0.5	
130	Trịnh Thị Láng	Dương Văn Chuẩn (Chồng)	43	133	LUC	Sau Trong	356.3	99.7	
130	Trịnh Thị Láng	Dương Văn Chuẩn (Chồng)	43	134	LUC	Sau Trong	265.3	258.2	
130	Trịnh Thị Láng	Dương Văn Chuẩn (Chồng)	43	255	LUC	Bờ Bến	360.8	360.8	
130	Trịnh Thị Láng	Dương Văn Chuẩn (Chồng)	40	228	LUC	Sau Ngoài	195.7	177.7	
131	Lê Thị Liên	Dương Hữu Thọ (đã chết) (Chồng)	43	287	LUC	Bờ Bến	597.8	597.8	
132	Nguyễn Văn Bách	Dương Thị Dũng (vợ)	43	16	LUC	Bờ Bến	240.5	240.5	
132	Nguyễn Văn Bách	Dương Thị Dũng (vợ)	39	69	LUC	Sau Ngoài	315.0	222.1	
132	Nguyễn Văn Bách	Dương Thị Dũng (vợ)	40	269	LUC	Sau Ngoài	290.0	84.1	
132	Nguyễn Văn Bách	Dương Thị Dũng (vợ)	39	24	LUC	Sân Bay	180.0	115.6	
132	Nguyễn Văn Bách	Dương Thị Dũng (vợ)	39	25	LUC	Sân Bay	260.0	177.7	
133	Phùng Thị Châm	Dương Văn Lung (chồng)	43	267	LUC	Bờ Bến	566.4	566.4	
134	Phùng Thị Văn		39	27	LUC	Sân Bay	263.9	142.3	
135	Phùng Văn Chung	Thân Thị Tú (vợ)	43	134	LUC	Sau Trong	265.3	7.1	
135	Phùng Văn Chung	Thân Thị Tú (vợ)	43	158	LUC	Sau Trong	405.2	248.6	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
135	Phùng Văn Chung	Thân Thị Tú (vợ)	43	176	LUC	Bờ Bến	245.9	245.9	
135	Phùng Văn Chung	Thân Thị Tú (vợ)	40	246	LUC	Sau Ngoài	333.6	282.6	
135	Phùng Văn Chung	Thân Thị Tú (vợ)	40	227	LUC	Sau Ngoài	265.2	145.6	
135	Phùng Văn Chung	Thân Thị Tú (vợ)	43	376	LUC	Đồi Rừng	2,638.2	26.9	
136	Phùng Văn Chuyên	Dương Thị Dung (vợ)	39	62	LUC	Sau Trong	289.1	18.5	
136	Phùng Văn Chuyên	Dương Thị Dung (vợ)	39	63	LUC	Sau Trong	287.6	252.1	
136	Phùng Văn Chuyên	Dương Thị Dung (vợ)	43	234	LUC	Sau Trong	287.2	190.9	
136	Phùng Văn Chuyên	Dương Thị Dung (vợ)	43	235	LUC	Sau Trong	289.3	82.6	
136	Phùng Văn Chuyên	Dương Thị Dung (vợ)	43	175	LUC	Bờ Bến	225.7	225.7	
136	Phùng Văn Chuyên	Dương Thị Dung (vợ)	43	3	LUC	Sau Ngoài	380.0	58.4	
137	Phùng Văn Đồng	Nguyễn Thị Thắm (vợ)	43	25	LUC	Sau Trong	685.9	372.3	
137	Phùng Văn Đồng	Nguyễn Thị Thắm (vợ)	43	40	LUC	Sau Trong	560.3	71.7	
137	Phùng Văn Đồng	Nguyễn Thị Thắm (vợ)	43	162	LUC	Bờ Bến	461.7	145.8	
138	Phùng Văn Mẫn	Nguyễn Thị Tròn (vợ)	43	42	LUC	Sau Trong	846.5	253.2	
138	Phùng Văn Mẫn	Nguyễn Thị Tròn (vợ)	43	41	LUC	Sau Trong	391.2	79.6	
139	Tổng Thị Đạo	Phùng Văn Thắm (chồng)	43	25	LUC	Sau Trong	685.9	246.6	
139	Tổng Thị Đạo	Phùng Văn Thắm (chồng)	43	162	LUC	Bờ Bến	461.7	315.9	
139	Tổng Thị Đạo	Phùng Văn Thắm (chồng)	39	26	LUC	Sân Bay	260.0	49.0	
139	Tổng Thị Đạo	Phùng Văn Thắm (chồng)	39	27	LUC	Sân Bay	263.9	121.6	
139	Tổng Thị Đạo	Phùng Văn Thắm (chồng)	39	21	LUC	Sân Bay	271.2	271.2	
140	Tổng Thị Minh	Thân Văn Cầu (đã chết)	43	70	LUC	Sau Trong	850.2	575.8	
140	Tổng Thị Minh	Thân Văn Cầu (đã chết)	43	118	LUC	Bờ Bến	220.0	220.0	
140	Tổng Thị Minh	Thân Văn Cầu (đã chết)	39	47	LUC	Sau Ngoài	290.0	246.1	
140	Tổng Thị Minh	Thân Văn Cầu (đã chết)	39	46	LUC	Sau Ngoài	290.0	60.2	
140	Tổng Thị Minh	Thân Văn Cầu (đã chết)	40	225	LUC	Sân Bay	273.3	228.3	
140	Tổng Thị Minh	Thân Văn Cầu (đã chết)	40	224	LUC	Sân Bay	260.5	63.8	
141	Dương Văn Tần	Dương Văn Cải (đã chết)	43	40	LUC	Sau Trong	560.3	488.6	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
141	Dương Văn Tần	Dương Văn Cải (đã chết)	43	39	LUC	Sau Trong	251.2	78.6	
141	Dương Văn Tần	Dương Văn Cải (đã chết)	43	344	LUC	Bờ Bến	534.5	112.9	
141	Dương Văn Tần	Dương Văn Cải (đã chết)	43	333	LUC	Bờ Bến	258.3	252.2	
141	Dương Văn Tần	Dương Văn Cải (đã chết)	43	334	LUC	Bờ Bến	1,600.3	350.6	
141	Dương Văn Tần	Dương Văn Cải (đã chết)	39	46	LUC	Sau Ngoài	290.0	229.8	
141	Dương Văn Tần	Dương Văn Cải (đã chết)	39	45	LUC	Sau Ngoài	315.0	76.3	
142	Thân Thị Thuận	Dương Văn Nụ (đã chết)	43	263	LUC	Bờ Bến	371.7	371.7	
143	Thân Thị Vết	Phùng Văn Dụ (đã chết)	43	13	LUC	Sau Trong	570.2	547.5	
143	Thân Thị Vết	Phùng Văn Dụ (đã chết)	43	24	LUC	Sau Trong	247.9	19.7	
143	Thân Thị Vết	Phùng Văn Dụ (đã chết)	43	240	LUC	Sau Trong	583.6	219.1	
143	Thân Thị Vết	Phùng Văn Dụ (đã chết)	43	338	LUC	Bờ Bến	419.6	419.6	
143	Thân Thị Vết	Phùng Văn Dụ (đã chết)	39	48	LUC	Sau Ngoài	746.8	292.8	
143	Thân Thị Vết	Phùng Văn Dụ (đã chết)	39	67	LUC	Sau Ngoài	754.5	396.5	
143	Thân Thị Vết	Phùng Văn Dụ (đã chết)	39	32	LUC	Sân Bay	406.1	88.9	
143	Thân Thị Vết	Phùng Văn Dụ (đã chết)	39	33	LUC	Sân Bay	520.3	358.0	
143	Thân Thị Vết	Phùng Văn Dụ (đã chết)	1	4	MNC		368.7	144.0	
143	Thân Thị Vết	Phùng Văn Dụ (đã chết)	43	376	LUC	Đồi Rừng	2,638.2	402.7	
144	Thân Văn Biên	Dương Thị Khanh (vợ)	43	38	LUC	Sau Trong	415.2	341.2	
144	Thân Văn Biên	Dương Thị Khanh (vợ)	43	60	LUC	Sau Trong	260.5	78.0	
144	Thân Văn Biên	Dương Thị Khanh (vợ)	43	232	LUC	Sau Trong	172.6	93.3	
144	Thân Văn Biên	Dương Thị Khanh (vợ)	43	233	LUC	Sau Trong	302.3	44.3	
144	Thân Văn Biên	Dương Thị Khanh (vợ)	39	58	LUC	Bờ Bến	170.6	170.6	
145	Thân Văn Minh	Thân Thị Vui (đã chết) (vợ)	43	229	LUC	Bờ Bến	346.3	299.5	
145	Thân Văn Minh	Thân Thị Vui (đã chết) (vợ)	43	245	LUC	Bờ Bến	578.0	44.2	
146	Thân Văn Quý	Đào Thị Thừa (vợ)	43	207	LUC	Bờ Bến	350.2	350.2	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
147	Thân Văn Yêu	Phùng Thị Bốn(vợ)	43	46	LUC	Bờ Bền	220.7	220.7	
148	Dương Tiến Sỹ	Thân Thị Ngạch (vợ)	43	9	LUC	Sau Trong	270.0	156.8	
148	Dương Tiến Sỹ	Thân Thị Ngạch (vợ)	43	8	LUC	Sau Trong	285.0	100.3	
148	Dương Tiến Sỹ	Thân Thị Ngạch (vợ)	43	21	LUC	Bờ Bền	290.5	290.5	
148	Dương Tiến Sỹ	Thân Thị Ngạch (vợ)	43	18	LUC	Bờ Bền	358.4	358.4	
148	Dương Tiến Sỹ	Thân Thị Ngạch (vợ)	43	20	LUC	Bờ Bền	490.3	136.5	
148	Dương Tiến Sỹ	Thân Thị Ngạch (vợ)	40	250	LUC	Sau Ngoài	287.2	120.3	
148	Dương Tiến Sỹ	Thân Thị Ngạch (vợ)	40	249	LUC	Sau Ngoài	322.6	163.4	
148	Dương Tiến Sỹ	Thân Thị Ngạch (vợ)	43	214	BHK	Bờ Bền	348.5	171.8	
149	Dương Thị Kĩn		43	90	LUC	Bờ Bền	251.6	251.6	
149	Dương Thị Kĩn		39	40	LUC	Sân Bay	343.5	303.2	
150	Dương Thị Nghi		43	155	LUC	Sau Trong	697.6	425.6	
150	Dương Thị Nghi		43	15	LUC	Bờ Bền	232.3	129.0	
150	Dương Thị Nghi		39	45	LUC	Sau Ngoài	315.0	178.5	
150	Dương Thị Nghi		39	25	LUC	Sân Bay	260.0	82.3	
150	Dương Thị Nghi		39	26	LUC	Sân Bay	260.0	211.0	
151	Dương Văn Ngọc	Giáp Thị Liên (vợ)	43	39	LUC	Sau Trong	251.2	172.6	
151	Dương Văn Ngọc	Giáp Thị Liên (vợ)	43	38	LUC	Sau Trong	415.2	74.0	
151	Dương Văn Ngọc	Giáp Thị Liên (vợ)	43	91	LUC	Bờ Bền	320.2	320.2	
151	Dương Văn Ngọc	Giáp Thị Liên (vợ)	40	252	LUC	Sau Ngoài	702.3	11.9	
151	Dương Văn Ngọc	Giáp Thị Liên (vợ)	40	253	LUC	Sau Ngoài	293.8	8.2	
151	Dương Văn Ngọc	Giáp Thị Liên (vợ)	39	42	LUC	Sân Bay	528.0	36.3	
151	Dương Văn Ngọc	Giáp Thị Liên (vợ)	39	41	LUC	Sân Bay	270.9	270.9	
151	Dương Văn Ngọc	Giáp Thị Liên (vợ)	39	40	LUC	Sân Bay	343.5	40.3	
152	Dương Văn Nhật	Dương Thị Hưng (vợ)	43	284	LUC	Bờ Bền	376.8	13.4	
152	Dương Văn Nhật	Dương Thị Hưng (vợ)	43	283	LUC	Bờ Bền	350.2	330.3	
153	Dương Văn Tồn	Nguyễn Thị Mận (vợ)	43	74	LUC	Sau Trong	275.0	224.9	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
153	Dương Văn Tồn	Nguyễn Thị Mận (vợ)	43	94	LUC	Sau Trong	668.4	51.4	
153	Dương Văn Tồn	Nguyễn Thị Mận (vợ)	43	261	LUC	Bờ Bến	126.4	126.4	
154	Dương Thị Thủy	Dương Văn Thước (chồng) (đã chết)	43	181	LUC	Sau Trong	350.0	99.0	
154	Dương Thị Thủy	Dương Văn Thước (chồng) (đã chết)	43	182	LUC	Sau Trong	513.2	258.9	
154	Dương Thị Thủy	Dương Văn Thước (chồng) (đã chết)	43	20	LUC	Bờ Bến	490.3	353.8	
155	Khổng Thị Lựu	Thân Văn Hồng (đã chết) (chồng)	43	73	LUC	Sau Trong	445.7	2.5	
155	Khổng Thị Lựu	Thân Văn Hồng (đã chết) (chồng)	43	72	LUC	Sau Trong	451.6	315.8	
155	Khổng Thị Lựu	Thân Văn Hồng (đã chết) (chồng)	43	210	LUC	Bờ Bến	220.7	147.2	
155	Khổng Thị Lựu	Thân Văn Hồng (đã chết) (chồng)	39	33	LUC	Sân Bay	520.3	63.0	
155	Khổng Thị Lựu	Thân Văn Hồng (đã chết) (chồng)	39	34	LUC	Sân Bay	264.6	210.1	
156	Nguyễn Văn Đức	Dương Thị Lương (vợ)	43	155	LUC	Sau Trong	697.6	225.6	
156	Nguyễn Văn Đức	Dương Thị Lương (vợ)	43	184	LUC	Sau Trong	573.5	49.8	
156	Nguyễn Văn Đức	Dương Thị Lương (vợ)	43	15	LUC	Bờ Bến	232.3	103.3	
156	Nguyễn Văn Đức	Dương Thị Lương (vợ)	39	45	LUC	Sau Ngoài	315.0	60.2	
156	Nguyễn Văn Đức	Dương Thị Lương (vợ)	39	69	LUC	Sau Ngoài	315.0	92.9	
157	Nguyễn Văn Ngợi	Dương Thị Vân (vợ)	39	63	LUC	Sau Trong	287.6	35.5	
157	Nguyễn Văn Ngợi	Dương Thị Vân (vợ)	39	64	LUC	Sau Trong	459.7	407.3	
157	Nguyễn Văn Ngợi	Dương Thị Vân (vợ)	43	196	LUC	Sau Trong	450.2	342.1	
157	Nguyễn Văn Ngợi	Dương Thị Vân (vợ)	43	195	LUC	Sau Trong	380.0	42.6	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
157	Nguyễn Văn Ngợi	Dương Thị Vân (vợ)	43	222	LUC	Bờ Bến	223.8	223.8	
157	Nguyễn Văn Ngợi	Dương Thị Vân (vợ)	40	254	LUC	Sau Ngoài (Đồng Sau)	373.3	143.5	
157	Nguyễn Văn Ngợi	Dương Thị Vân (vợ)	40	255	LUC	Sau Ngoài (Đồng Sau)	252.0	217.2	
158	Nguyễn Văn Thập	Phùng Thị Hiền (vợ)	39	65	LUC	Sau Trong	471.8	419.5	
158	Nguyễn Văn Thập	Phùng Thị Hiền (vợ)	39	66	LUC	Sau Trong	521.4	69.0	
158	Nguyễn Văn Thập	Phùng Thị Hiền (vợ)	43	298	LUC	Bờ Bến	243.7	243.7	
158	Nguyễn Văn Thập	Phùng Thị Hiền (vợ)	40	271	LUC	Sau Ngoài	325.6	11.1	
158	Nguyễn Văn Thập	Phùng Thị Hiền (vợ)	44	5	LUC	Sau Ngoài	322.9	24.8	
159	Phùng Văn Tường	Thân Thị Hoa (vợ)	43	95	LUC	Sau Trong	277.4	241.3	
159	Phùng Văn Tường	Thân Thị Hoa (vợ)	43	114	LUC	Sau Trong	527.7	9.9	
159	Phùng Văn Tường	Thân Thị Hoa (vợ)	43	165	LUC	Bờ Bến	223.5	223.5	
159	Phùng Văn Tường	Thân Thị Hoa (vợ)	40	257	LUC	Sau Ngoài	459.2	54.8	
160	Phùng Văn Thịnh	Dương Thị Nhiên (vợ)	43	146	LUC	Sau Trong	321.7	176.8	
160	Phùng Văn Thịnh	Dương Thị Nhiên (vợ)	44	35	LUC	Sau Trong	403.6	111.2	
160	Phùng Văn Thịnh	Dương Thị Nhiên (vợ)	43	73	LUC	Sau Trong	445.7	440.5	
160	Phùng Văn Thịnh	Dương Thị Nhiên (vợ)	43	77	LUC	Bờ Bến	345.6	345.6	
161	Phùng Văn Thọ	Thân Thị Quyên (vợ)	43	240	LUC	Sau Trong	583.6	90.9	
161	Phùng Văn Thọ	Thân Thị Quyên (vợ)	43	239	LUC	Sau Trong	265.9	59.8	
161	Phùng Văn Thọ	Thân Thị Quyên (vợ)	43	341	LUC	Bờ Bến	352.7	271.2	
161	Phùng Văn Thọ	Thân Thị Quyên (vợ)	39	33	LUC	Sân Bay	520.3	99.3	
162	Phùng Văn Thức	Dương Thị Vượng (đã chết) (vợ)	43	116	LUC	Sau Trong	725.8	375.5	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
162	Phùng Văn Thúc	Dương Thị Vượng (đã chết) (vợ)	43	44	LUC	Bờ Bền	515.8	294.8	
162	Phùng Văn Thúc	Dương Thị Vượng (đã chết) (vợ)	40	251	LUC	Sau Ngoài	767.6	160.6	
162	Phùng Văn Thúc	Dương Thị Vượng (đã chết) (vợ)	40	252	LUC	Sau Ngoài	702.3	252.0	
163	Tổng Văn Tuyển	Dương Thị Duyên (vợ)	43	61	LUC	Sau Trong	302.1	238.0	
163	Tổng Văn Tuyển	Dương Thị Duyên (vợ)	43	62	LUC	Sau Trong	515.3	57.9	
163	Tổng Văn Tuyển	Dương Thị Duyên (vợ)	43	282	LUC	Sau Trong	520.0	272.5	
163	Tổng Văn Tuyển	Dương Thị Duyên (vợ)	43	281	LUC	Sau Trong	448.8	38.1	
163	Tổng Văn Tuyển	Dương Thị Duyên (vợ)	43	281	LUC	Sau Trong	448.8	216.0	
163	Tổng Văn Tuyển	Dương Thị Duyên (vợ)	43	17	LUC	Bờ Bền	228.1	228.1	
164	Thân Thị Liên	Phùng Văn Trường (đã chết) (chồng)	43	295	LUC	Bờ Bền	92.0	84.2	
165	Thân Văn Thắng	Nguyễn Thị Lan (vợ)	43	210	LUC	Bờ Bền	220.7	73.5	
165	Thân Văn Thắng	Nguyễn Thị Lan (vợ)	40	268	LUC	Sau Ngoài	568.0	0.3	
165	Thân Văn Thắng	Nguyễn Thị Lan (vợ)	40	267	LUC	Sau Ngoài	310.7	7.2	
166	Trịnh Văn Hòa		43	26	LUC	Sau Trong	514.0	332.5	
166	Trịnh Văn Hòa		43	37	LUC	Sau Trong	510.0	184.1	
167	Thân Thị Lan	Phùng Thị Phát (đã chết)	43	35	LUC	Sau Trong	250.3	3.5	
167	Thân Thị Lan	Phùng Thị Phát (đã chết)	43	34	LUC	Sau Trong	345.0	305.9	
167	Thân Thị Lan	Phùng Thị Phát (đã chết)	43	63	LUC	Sau Trong	565.0	10.4	
167	Thân Thị Lan	Phùng Thị Phát (đã chết)	43	184	LUC	Sau Trong	573.5	520.3	
167	Thân Thị Lan	Phùng Thị Phát (đã chết)	43	185	LUC	Sau Trong	180.3	50.3	
167	Thân Thị Lan	Phùng Thị Phát (đã chết)	43	260	LUC	Bờ Bền	277.0	277.0	
167	Thân Thị Lan	Phùng Thị Phát (đã chết)	40	236	LUC	Sau Ngoài	177.7	123.8	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
168	Thân Văn Minh	Dương Thị Hưng (đã chết)	43	177	LUC	Bờ Bền	327.0	327.0	
169	Tổng Văn Hiền	Tổng Văn Huông (đã chết) Thân Thị Loan (đã chết)	43	316	LUC	Bờ Bền	293.7	5.5	
169	Tổng Văn Hiền	Tổng Văn Huông (đã chết) Thân Thị Loan (đã chết)	43	317	LUC	Bờ Bền	810.6	810.6	
169	Tổng Văn Hiền	Tổng Văn Huông (đã chết) Thân Thị Loan (đã chết)	43	368	LUC	Bờ Bền	340.2	336.9	
169	Tổng Văn Hiền	Tổng Văn Huông (đã chết) Thân Thị Loan (đã chết)	43	350	LUC	Bờ Bền	220.1	1.9	
169	Tổng Văn Hiền	Tổng Văn Huông (đã chết) Thân Thị Loan (đã chết)	43	125	LUC	Bờ Bền	445.6	445.6	
169	Tổng Văn Hiền	Tổng Văn Huông (đã chết) Thân Thị Loan (đã chết)	43	389	LUC	Bờ Bền	323.9	108.0	
169	Tổng Văn Hiền	Tổng Văn Huông (đã chết) Thân Thị Loan (đã chết)	43	388	LUC	Bờ Bền	170.0	160.1	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
170	Các ông/bà: Tống Thị Nhân; Tống Văn Vịnh; Tống Văn Long; Tống Thị Lệ; Tống Văn Biên; Tống Văn Liên là hàng thừa kế thứ nhất của ông Tống Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	ông Tống Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	43	131	LUC	Sau Trong	342.7	342.7	
170	Các ông/bà: Tống Thị Nhân; Tống Văn Vịnh; Tống Văn Long; Tống Thị Lệ; Tống Văn Biên; Tống Văn Liên là hàng thừa kế thứ nhất của ông Tống Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	ông Tống Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	43	132	LUC	Sau Trong	300.0	249.8	
170	Các ông/bà: Tống Thị Nhân; Tống Văn Vịnh; Tống Văn Long; Tống Thị Lệ; Tống Văn Biên; Tống Văn Liên là hàng thừa kế thứ nhất của ông Tống Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	ông Tống Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	43	212	LUC	Bờ Bến	451.0	451.0	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
170	Các ông/bà: Tống Thị Nhân; Tống Văn Vịnh; Tống Văn Long; Tống Thị Lệ; Tống Văn Biên; Tống Văn Liên là hàng thừa kế thứ nhất của ông Tống Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	ông Tống Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	40	253	LUC	Sau Ngoài	293.8	0.1	
170	Các ông/bà: Tống Thị Nhân; Tống Văn Vịnh; Tống Văn Long; Tống Thị Lệ; Tống Văn Biên; Tống Văn Liên là hàng thừa kế thứ nhất của ông Tống Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	ông Tống Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	40	268	LUC	Sau Ngoài	568.0	6.0	
170	Các ông/bà: Tống Thị Nhân; Tống Văn Vịnh; Tống Văn Long; Tống Thị Lệ; Tống Văn Biên; Tống Văn Liên là hàng thừa kế thứ nhất của ông Tống Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	ông Tống Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	39	34	LUC	Sân Bay	264.6	54.5	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
170	Các ông/bà: Tổng Thị Nhân; Tổng Văn Vịnh; Tổng Văn Long; Tổng Thị Lệ; Tổng Văn Biên; Tổng Văn Liên là hàng thừa kế thứ nhất của ông Tổng Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	ông Tổng Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	39	42	LUC	Sân Bay	528.0	491.7	
170	Các ông/bà: Tổng Thị Nhân; Tổng Văn Vịnh; Tổng Văn Long; Tổng Thị Lệ; Tổng Văn Biên; Tổng Văn Liên là hàng thừa kế thứ nhất của ông Tổng Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	ông Tổng Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	43	36	LUC	Sau Trong	175.5	89.2	
170	Các ông/bà: Tổng Thị Nhân; Tổng Văn Vịnh; Tổng Văn Long; Tổng Thị Lệ; Tổng Văn Biên; Tổng Văn Liên là hàng thừa kế thứ nhất của ông Tổng Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	ông Tổng Văn Na (đã chết) và bà Dương Thị Lanh (đã chết);	43	35	LUC	Sau Trong	250.3	246.8	
171	Dương Văn Long	Phùng Thị Nhiệm	40	232	LUC	Sau Ngoài	274.3	130.1	
172	Dương Văn Báo		43	365	LUC	Bờ Bến	135.8	108.2	
172	Dương Văn Báo		43	366	LUC	Bờ Bến	440.2	11.1	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
172	Dương Văn Báo		43	50	LUC	Bờ Bến	529.2	132.3	
173	Dương Văn Cảnh	Mẹ Ngô Thị Nụ (đã chết)	43	294	LUC	Bờ Bến	583.3	583.3	
173	Dương Văn Cảnh	Mẹ Ngô Thị Nụ (đã chết)	43	213	BHK	Bờ Bến	454.8	272.8	
174	Các ông/bà: Tống Văn Dự, Tống Văn Tấn, Tống Thị Sáu, Dương Thị Phương, Tống Văn Hiền, Tống Thị Cúc là hàng thừa kế của ông Tống Văn Tiên (đã chết)	Tống Văn Tiên (đã chết)	43	28	LUC	Sau Trong	452.9	229.1	
174	Các ông/bà: Tống Văn Dự, Tống Văn Tấn, Tống Thị Sáu, Dương Thị Phương, Tống Văn Hiền, Tống Thị Cúc là hàng thừa kế của ông Tống Văn Tiên (đã chết)	Tống Văn Tiên (đã chết)	43	182	LUC	Sau Trong	513.2	254.3	
174	Các ông/bà: Tống Văn Dự, Tống Văn Tấn, Tống Thị Sáu, Dương Thị Phương, Tống Văn Hiền, Tống Thị Cúc là hàng thừa kế của ông Tống Văn Tiên (đã chết)	Tống Văn Tiên (đã chết)	43	183	LUC	Sau Trong	485.6	257.1	
174	Các ông/bà: Tống Văn Dự, Tống Văn Tấn, Tống Thị Sáu, Dương Thị Phương, Tống Văn Hiền, Tống Thị Cúc là hàng thừa kế của ông Tống Văn Tiên (đã chết)	Tống Văn Tiên (đã chết)	43	52	LUC	Bờ Bến	217.2	217.2	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
174	Các ông/bà: Tống Văn Dự, Tống Văn Tấn, Tống Thị Sáu, Dương Thị Phượng, Tống Văn Hiền, Tống Thị Cúc là hàng thừa kế của ông Tống Văn Tiên (đã chết)	Tống Văn Tiên (đã chết)	40	265	LUC	Sau Ngoài	312.7	20.5	
174	Các ông/bà: Tống Văn Dự, Tống Văn Tấn, Tống Thị Sáu, Dương Thị Phượng, Tống Văn Hiền, Tống Thị Cúc là hàng thừa kế của ông Tống Văn Tiên (đã chết)	Tống Văn Tiên (đã chết)	40	264	LUC	Sau Ngoài	417.7	2.4	
175	Thân Thị Chinh		43	361	LUC	Bờ Bền	220.3	175.8	
175	Thân Thị Chinh		43	362	LUC	Bờ Bền	221.3	39.8	
175	Thân Thị Chinh		39	22	LUC	Cánh gà	715.9	517.0	
175	Thân Thị Chinh		39	19	BHK	Sân Bay	104.9	104.9	
175	Thân Thị Chinh		39	18	BHK	Sân Bay	1,884.6	1,852.4	
176	Thân Văn Thạch	Thân Văn Thẫm (đã chết)	43	286	LUC	Bờ Bền	356.2	356.2	
177	Dương Văn Tý		1	322	ODT	Ngòi	425.0	170.4	
177	Dương Văn Tý		1	405	ODT	Ngòi	120.6	44.7	
177	Dương Văn Tý		1	404	ODT	Ngòi	79.7	28.9	
177	Dương Văn Tý		1	403	ODT	Ngòi	79.8	28.5	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
177	Dương Văn Tý		1	402	ODT	Ngòi	80.0	28.2	
178	Phùng Văn Thuần		1	320	ODT	Ngòi	233.3	40.6	
179	Dương Quang Chín		3	10	ODT	Đồi Rừng	428.5	61.3	
180	Nguyễn Văn Bách		1	19	ODT	Bờ Bền	640.1	13.1	
181	Đoàn Thế Chinh		1	375	ODT	Bờ Bền	273.5	6.3	
182	Phùng Văn Dụ		1	1008	ODT	Bờ Bền	272.0	41.2	
183	Dương Văn Lập		1	713	NTS	Bờ Bền	276.4	26.2	
184	Dương Văn Tiết		1	712	NTS	Bờ Bền	218.1	8.8	
185	Dương Văn Chức		1	709	NTS	Bờ Bền	100.5	14.1	
186	Các ông/bà: Nguyễn Thị Phụng; Nguyễn Văn Tuấn; Nguyễn Tuấn Ngọc; Nguyễn Văn Dũng; Nguyễn Thị Thắm; Nguyễn Thị Nhị là hàng thừa kế thứ nhất của bà Thân Thị Mùi (đã chết) và ông Nguyễn Văn Tính (đã chết)		43	2	LUC	Sau Trong	360.0	272.5	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
186	Các ông/bà: Nguyễn Thị Phụng; Nguyễn Văn Tuấn; Nguyễn Tuấn Ngọc; Nguyễn Văn Dũng; Nguyễn Thị Thắm; Nguyễn Thị Nhị là hàng thừa kế thứ nhất của bà Thân Thị Mùi (đã chết) và ông Nguyễn Văn Tính (đã chết)		43	9	LUC	Sau Trong	270.0	113.2	
186	Các ông/bà: Nguyễn Thị Phụng; Nguyễn Văn Tuấn; Nguyễn Tuấn Ngọc; Nguyễn Văn Dũng; Nguyễn Thị Thắm; Nguyễn Thị Nhị là hàng thừa kế thứ nhất của bà Thân Thị Mùi (đã chết) và ông Nguyễn Văn Tính (đã chết)		43	334	LUC	Bờ Bền	1,600.3	274.7	
186	Các ông/bà: Nguyễn Thị Phụng; Nguyễn Văn Tuấn; Nguyễn Tuấn Ngọc; Nguyễn Văn Dũng; Nguyễn Thị Thắm; Nguyễn Thị Nhị là hàng thừa kế thứ nhất của bà Thân Thị Mùi (đã chết) và ông Nguyễn Văn Tính (đã chết)		43	335	LUC	Bờ Bền	1,106.3	1,106.3	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
186	Các ông/bà: Nguyễn Thị Phụng; Nguyễn Văn Tuấn; Nguyễn Tuấn Ngọc; Nguyễn Văn Dũng; Nguyễn Thị Thắm; Nguyễn Thị Nhị là hàng thừa kế thứ nhất của bà Thân Thị Mùi (đã chết) và ông Nguyễn Văn Tính (đã chết)		44	2	LUC	Sau Ngoài	410.5	38.8	
187	Các ông/bà: Nguyễn Thị Biễn, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Văn Huân là hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Sơn (đã chết) và bà Thân Thị Lậm (đã chết)		43	146	LUC	Sau Trong	321.7	33.0	
187	Các ông/bà: Nguyễn Thị Biễn, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Văn Huân là hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Sơn (đã chết) và bà Thân Thị Lậm (đã chết)		43	92	LUC	Sau Trong	230.7	230.7	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
187	Các ông/bà: Nguyễn Thị Biễn, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Văn Huân là hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Sơn (đã chết) và bà Thân Thị Lậm (đã chết)		43	93	LUC	Sau Trong	438.5	29.6	
187	Các ông/bà: Nguyễn Thị Biễn, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Văn Huân là hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Sơn (đã chết) và bà Thân Thị Lậm (đã chết)		43	262	LUC	Bờ Bền	193.9	193.9	
187	Các ông/bà: Nguyễn Thị Biễn, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Văn Huân là hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Sơn (đã chết) và bà Thân Thị Lậm (đã chết)		43	171	LUC	Bờ Bền	2,144.3	140.1	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
187	Các ông/bà: Nguyễn Thị Biễn, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Văn Huân là hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Sơn (đã chết) và bà Thân Thị Lậm (đã chết)		40	249	LUC	Sau Ngoài	322.6	159.2	
187	Các ông/bà: Nguyễn Thị Biễn, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Văn Huân là hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Sơn (đã chết) và bà Thân Thị Lậm (đã chết)		40	248	LUC	Sau Ngoài	445.6	227.6	
188	Các ông/ bà: Dương Văn Lộc; Dương Thị Hiền; Dương Thị Lược; Dương Văn Mão; Dương Thị Lương là hàng thừa kế thứ nhất của bà Thân Thị Hồng (đã chết); Dương Văn Ngọ (đã chết)		43	160	LUC	Bờ Bến	525.4	525.4	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
189	Các ông bà: Dương Văn Long; Dương Thành Trung; Dương Thị Thường; Dương Tiên Bộ; Dương Thị Loan; Dương Thị Luyên là hàng thừa kế thứ nhất của ông bà Dương Văn Lâm (Hin) đã chết		43	159	LUC	Bờ Bến	395.6	2.8	
189	Các ông bà: Dương Văn Long; Dương Thành Trung; Dương Thị Thường; Dương Tiên Bộ; Dương Thị Loan; Dương Thị Luyên là hàng thừa kế thứ nhất của ông bà Dương Văn Lâm (Hin) đã chết		43	178	LUC	Bờ Bến	298.2	291.8	
190	UBND phường Tiên Phong		43	137	LUC	Sau Trong	345.8	331.6	
190	UBND phường Tiên Phong		43	138	LUC	Sau Trong	418.7	20.1	
190	UBND phường Tiên Phong		39	54	LUC		326.7	326.7	
190	UBND phường Tiên Phong		43	193	LUC		345.0	6.5	
190	UBND phường Tiên Phong		43	192	LUC		502.9	274.3	
190	UBND phường Tiên Phong		43	83	BHK		8,778.5	955.1	
190	UBND phường Tiên Phong		43	83	BHK		8,778.5	1,052.6	
190	UBND phường Tiên Phong		43	83	BHK		8,778.5	1,132.1	
190	UBND phường Tiên Phong		43	83	BHK		8,778.5	1,034.6	
190	UBND phường Tiên Phong		43	83	BHK		8,778.5	1,058.3	
190	UBND phường Tiên Phong		43	83	BHK		8,778.5	1,086.6	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
190	UBND phường Tiên Phong		43	83	BHK		8,778.5	1,007.0	
190	UBND phường Tiên Phong		43	83	BHK		8,778.5	1,016.3	
190	UBND phường Tiên Phong		43	83	BHK		8,778.5	220.3	
190	UBND phường Tiên Phong		39	57	BHK		6,672.9	139.2	
190	UBND phường Tiên Phong		39	57	BHK		6,672.9	129.5	
190	UBND phường Tiên Phong		39	57	BHK		6,672.9	451.0	
190	UBND phường Tiên Phong		39	57	BHK		6,672.9	830.4	
190	UBND phường Tiên Phong		39	57	BHK		6,672.9	964.0	
190	UBND phường Tiên Phong		39	57	BHK		6,672.9	1,124.6	
190	UBND phường Tiên Phong		39	57	BHK		6,672.9	988.2	
190	UBND phường Tiên Phong		39	57	BHK		6,672.9	943.4	
190	UBND phường Tiên Phong		39	57	BHK		6,672.9	1,099.6	
190	UBND phường Tiên Phong		39	16	BHK		1,263.0	1,221.2	
190	UBND phường Tiên Phong		43	323	LUC		60.4	60.4	
190	UBND phường Tiên Phong		44	32	LUC		406.2	204.6	
190	UBND phường Tiên Phong		44	32	LUC		406.2	201.6	
190	UBND phường Tiên Phong		44	33	LUC		495.5	495.5	
190	UBND phường Tiên Phong		44	34	LUC		182.7	36.9	
190	UBND phường Tiên Phong		44	35	LUC		403.6	292.4	
190	UBND phường Tiên Phong		43	191	LUC		500.9	500.9	
190	UBND phường Tiên Phong		43	147	LUC		605.8	79.1	
190	UBND phường Tiên Phong		40	234	LUC		138.5	138.5	
190	UBND phường Tiên Phong		40	235	LUC		187.0	45.0	
190	UBND phường Tiên Phong		43	170	BHK		1,531.5	1,383.1	
190	UBND phường Tiên Phong		43	170	BHK		1,531.5	4.8	
190	UBND phường Tiên Phong		43	305	BHK		2,872.5	2,692.2	
190	UBND phường Tiên Phong		43	339	LUC		648.2	648.2	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
190	UBND phường Tiên Phong		43	257	MNC		506.3	506.3	
190	UBND phường Tiên Phong		43	337	LUC		120.6	120.6	
190	UBND phường Tiên Phong		39	38	LUC		437.4	437.4	
190	UBND phường Tiên Phong		1	6	NTS		416.8	416.8	
190	UBND phường Tiên Phong		1	4	BHK		368.7	125.7	
190	UBND phường Tiên Phong		43	37	LUC		510.0	153.7	
190	UBND phường Tiên Phong		43	36	LUC		175.5	86.3	
190	UBND phường Tiên Phong		43	279	LUC		423.9	52.5	
190	UBND phường Tiên Phong		43	280	LUC		290.4	243.9	
190	UBND phường Tiên Phong		43	276	LUC		599.5	168.0	
190	UBND phường Tiên Phong		43	281	LUC		448.8	194.7	
190	UBND phường Tiên Phong		43	327	LUC		346.7	34.6	
190	UBND phường Tiên Phong		43	171	BHK		2,144.3	164.2	
190	UBND phường Tiên Phong		43	238	LUC		560.8	270.3	
190	UBND phường Tiên Phong		43	192	LUC		502.9	227.6	
190	UBND phường Tiên Phong		39	12	BHK		42.6	40.0	
190	UBND phường Tiên Phong		39	13	BHK		230.1	203.3	
190	UBND phường Tiên Phong		39	15	BHK		128.5	88.9	
190	UBND phường Tiên Phong		40	222	LUC		494.8	45.2	
190	UBND phường Tiên Phong		40	221	LUC		64.0	44.5	
190	UBND phường Tiên Phong		40	221	LUC		64.0	14.0	
190	UBND phường Tiên Phong		40	220	LUC		51.7	49.3	
190	UBND phường Tiên Phong		40	229	LUC		453.0	10.3	
190	UBND phường Tiên Phong		40	231	LUC		72.5	72.5	
190	UBND phường Tiên Phong		40	244	LUC		412.1	54.4	
190	UBND phường Tiên Phong		40	243	LUC		302.2	7.7	
190	UBND phường Tiên Phong		40	242	LUC		483.3	94.7	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
190	UBND phường Tiên Phong		40	241	LUC		293.0	9.6	
190	UBND phường Tiên Phong		40	241	LUC		293.0	90.5	
190	UBND phường Tiên Phong		40	254	LUC		373.3	222.3	
190	UBND phường Tiên Phong		40	254	LUC		373.3	7.5	
190	UBND phường Tiên Phong		40	255	LUC		252.0	5.8	
190	UBND phường Tiên Phong		40	256	LUC		482.3	109.0	
190	UBND phường Tiên Phong		40	257	LUC		459.2	8.9	
190	UBND phường Tiên Phong		40	240	LUC		335.2	6.2	
190	UBND phường Tiên Phong		40	236	LUC		177.7	3.4	
190	UBND phường Tiên Phong		44	2	LUC		410.5	357.0	
190	UBND phường Tiên Phong		39	22	LUC		715.9	62.9	
190	UBND phường Tiên Phong		39	15	BHK		128.5	31.5	
190	UBND phường Tiên Phong		39	18	BHK		1,884.6	18.9	
190	UBND phường Tiên Phong		43	329	LUC		658.1	200.0	
190	UBND phường Tiên Phong		43	376	BHK		2,638.2	222.5	
190	UBND phường Tiên Phong		40	219	LUC		27.3	12.4	
190	UBND phường Tiên Phong		40	229	LUC		453.0	171.3	
190	UBND phường Tiên Phong		40	229	LUC		454.0	21.2	
190	UBND phường Tiên Phong		40	228	LUC		195.7	18.0	
190	UBND phường Tiên Phong		40	227	LUC		265.2	19.9	
190	UBND phường Tiên Phong		40	233	LUC			83.1	
190	UBND phường Tiên Phong		44	29	LUC		510.0	5.1	
190	UBND phường Tiên Phong		44	26	LUC		180.0	20.0	
190	UBND phường Tiên Phong		43	391	LUC		294.4	0.3	
190	UBND phường Tiên Phong		40	240	LUC		335.2	42.9	
190	UBND phường Tiên Phong		44	29	LUC		510.0	108.2	
190	UBND phường Tiên Phong		39	55	LUC		325.3	325.3	

<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
190	UBND phường Tiên Phong		40	257	LUC		459.2	176.8	
190	UBND phường Tiên Phong		40	263	LUC		378.4	201.2	
190	UBND phường Tiên Phong		44	3	LUC		357.9	186.1	
190	UBND phường Tiên Phong		44	2	LUC		410.5	14.7	
190	UBND phường Tiên Phong		43	385	LUC		184.5	28.4	
190	UBND phường Tiên Phong		43	386	LUC		620.9	61.9	
190	UBND phường Tiên Phong		43	356	LUC		251.0	27.2	
190	UBND phường Tiên Phong		43	324	LUC		2,100.4	43.7	
190	UBND phường Tiên Phong		43	326	LUC		729.5	85.6	
190	UBND phường Tiên Phong		44	37	BHK		30,057.7	178.5	
190	UBND phường Tiên Phong		40	259	BHK		10,265.1	79.4	
190	UBND phường Tiên Phong		39	17	DGT		10,746.9	2,523.9	
190	UBND phường Tiên Phong		39	17	DGT		10,746.9	10.9	
190	UBND phường Tiên Phong		39	17	DGT		10,746.9	137.4	
190	UBND phường Tiên Phong		39	17	DGT		10,746.9	166.2	
190	UBND phường Tiên Phong		39	17	DGT		10,746.9	56.5	
190	UBND phường Tiên Phong		40	237	DGT		21,500.7	527.6	
190	UBND phường Tiên Phong		40	237	DGT		21,500.7	308.2	
190	UBND phường Tiên Phong		40	258	DTL		447.0	15.7	
190	UBND phường Tiên Phong		40	258	DTL		447.0	41.8	
190	UBND phường Tiên Phong		40	258	DTL		447.0	370.4	
190	UBND phường Tiên Phong		40	258	DTL		447.0	5.0	
190	UBND phường Tiên Phong		39	14	DNL		48.2	48.2	
190	UBND phường Tiên Phong		39	36	DTL		526.0	365.1	
190	UBND phường Tiên Phong		39	36	DGT		526.0	6.8	
190	UBND phường Tiên Phong		39	20	DGT		17.3	17.3	
190	UBND phường Tiên Phong		39	35	DTL		254.7	254.7	

<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
190	UBND phường Tiên Phong		39	49	DTL		421.7	421.7	
190	UBND phường Tiên Phong		39	60	DTL		69.7	69.7	
190	UBND phường Tiên Phong		40	230	DNL		30.7	30.7	
190	UBND phường Tiên Phong		43	6	DGT		73.6	45.6	
190	UBND phường Tiên Phong		43	29	DGT		108.9	63.4	
190	UBND phường Tiên Phong		43	30	DTL		229.5	138.7	
190	UBND phường Tiên Phong		43	49	DTL		476.7	395.0	
190	UBND phường Tiên Phong		43	82	DGT		1,286.8	75.7	
190	UBND phường Tiên Phong		43	84	DGT		4,058.4	4,058.4	
190	UBND phường Tiên Phong		43	161	DGT		820.8	803.6	
190	UBND phường Tiên Phong		43	164	DTL		1,369.0	1,369.0	
190	UBND phường Tiên Phong		43	328	DGT		3,304.5	1,533.7	
190	UBND phường Tiên Phong		43	332	DTL		355.5	355.5	
190	UBND phường Tiên Phong		43	340	DGT		105.8	100.3	
190	UBND phường Tiên Phong		43	384	NTD		3,203.3	82.2	
190	UBND phường Tiên Phong		44	15	DTL		417.4	417.4	
190	UBND phường Tiên Phong		44	23	DTL		314.6	65.7	
190	UBND phường Tiên Phong		44	28	DGT		1,389.7	1,215.2	
190	UBND phường Tiên Phong		1	750	DGT		3,965.6	273.6	
190	UBND phường Tiên Phong		1	11	DGT		34.9	34.9	
190	UBND phường Tiên Phong		1	705	DTL		240.2	76.6	
190	UBND phường Tiên Phong		1	20	DTL		19.3	0.7	
190	UBND phường Tiên Phong		43	352	DTL		148.5	0.1	
190	UBND phường Tiên Phong		40	262	DTL		32.0	26.1	
190	UBND phường Tiên Phong		44	27	DTL		337.9	277.5	
	Tổng						623,040.4	188,719.2	